

Số: 02 /QĐ-STNMT

Kon Tum, ngày 05 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

Xét đề nghị của Văn phòng Đăng ký đất đai tại Tờ trình số 01/TTr – VPĐKĐĐ, ngày 04/01/2021,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp trên địa bàn thành phố Kon Tum (có danh sách kèm theo).

Lý do thu hồi Giấy chứng nhận: Thu hồi đưa vào lưu trữ cùng hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện biến động đất đai.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Trung tâm CNTT TN&MT(đăng tin);
- Lưu: VT, VPĐKĐĐ.

 **GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

  
**A BYOT**

**DANH SÁCH THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT, QSH NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STNMT, ngày / 01 / 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường )

Đơn vị kiểm tra: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum

Đơn vị thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum

| STT | Chủ sử dụng đất                | Số phát hành GCN | Số vào sổ | Ngày cấp GCN | Vị trí đất    | Số thửa | Số tờ | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Mục đích sử dụng       | Ghi chú  |
|-----|--------------------------------|------------------|-----------|--------------|---------------|---------|-------|-----------------------------|------------------------|----------|
| 1   | Nguyễn Văn Nghĩa               | K 031433         | 888       | 18/06/1997   | Đoàn Kết      | 54, 107 | 1, 4  | 1800                        | LUC(780)<br>LUK(1020)  | CĐ       |
| 2   | Đỗ Văn Hiến - Đặng Thị Hải Yến | CQ 955591        | CS03031   | 06/08/2019   | Đăk Blà       | 82      | 18    | 406.5                       | ONT(150)<br>HNK(256.5) | CĐ       |
| 3   | Hoàng Văn Sơn - Hồ Thị Lan     | CT 066359        | CS02627   | 09/09/2019   | Đăk Blà       | 951     | 18    | 255                         | ONT(150)<br>HNK(105)   | CĐ       |
| 4   | Phan Văn Phúc                  | BH 413644        | CH00420   | 10/10/2011   | Đăk Blà       | 950     | 18    | 210                         | ONT(100)<br>HNK(110)   | CĐ       |
| 5   | Nguyễn Bình                    | AB 148432        | H00172    | 31/01/2005   | Quang Trung   | 77      | 79    | 984.5                       | NKH                    | TK       |
| 6   | Đặng Đình Quang - Phạm Thị Nở  | CQ 996755        | CS04637   | 19/06/2019   | Trần Hưng Đạo | 374     | 20    | 797.5                       | ODT(50)<br>HNK(747.5)  | CN+TT+HT |
| 7   | Đặng Đình Quang - Phạm Thị Nở  | CQ 996754        | CS04638   | 19/06/2019   | Trần Hưng Đạo | 369     | 20    | 1629.2                      | ODT(50)<br>HNK(1529.2) | CN+TT+HT |